

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **108220490120** Số tờ khai đầu tiên / **108220490120**
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **2** Mã loại hình **A11 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **0306**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai
 Ngày đăng ký **08/05/2026 09:51:35** HQSGKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai
 Thời hạn tái nhập/ tái xuất **01**

Người nhập khẩu



Người xuất khẩu

Mã
 Tên **ZHEJIANG TIANHE AQUATIC PRODUCTS INC., LTD**
 Mã bưu chính
 Địa chỉ **SOUTHEAST INDUSTRIAL AREA, SONGMEN, WENLING, ZHEJIANG, CHINA, CN**

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn	Địa điểm lưu kho	02CIS01	TONG CTY TAN CANG SC
1 020526SITRNBCLF601182	Địa điểm dỡ hàng	VNCLI	CANG CAT LAI (HCM)
2	Địa điểm xếp hàng	CNNGB	NINGBO
3	Phương tiện vận chuyển		
4		9999	SUNRISE DRAGON V.2612S
5	Ngày hàng đến		09/05/2026
Số lượng	Ký hiệu và số hiệu		
Tổng trọng lượng hàng (Gross)			
Số lượng container			
1.000 CT			
6.250 KGM			
1			
	Ngày được phép nhập kho đầu tiên		
	Mã văn bản pháp quy khác		

Số hóa đơn A - THE26009

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành 29/04/2026

Phương thức thanh toán KC

Tổng trị giá hóa đơn A - CFR - USD -

Tổng trị giá tính thuế

Tổng hệ số phân bổ trị giá

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1 -	2 -	3 -
4 -	5 -	
Mã phân loại khai trị giá	6 -	
Khai trị giá tổng hợp		
Các khoản điều chỉnh		
Phí vận chuyển		
Phí bảo hiểm	D -	
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh
1 -	-	-
2 -	-	-
3 -	-	-
4 -	-	-
5 -	-	-
		Tổng hệ số phân bổ

Chi tiết khai trị giá

02052026#& Phương thức thanh toán: KC=T/T

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng		
1 V Thuế GTGT	VND	1	Tổng tiền thuế phải nộp	VND
2	VND		Số tiền bảo lãnh	VND
3	VND		Tỷ giá tính thuế	USD -
4	VND			-
5	VND			-
6	VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D
			Mã lý do đề nghị BP	Người nộp thuế
				Phân loại nộp thuế
			Tổng số trang của tờ khai	3
			Tổng số dòng hàng của tờ khai	1

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **108220490120** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 0306
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
 Ngày đăng ký 08/05/2026 09:51:35 HQSGKVI Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Số định kèm khai báo điện tử 1 ETC - 722587091500 2 - 3 -
 Phần ghi chú Annex số: THE26009/1; C.O form E số: E267046723230007 ngày 07/05/2026

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Ngày thay đổi đăng ký Số quản lý người sử dụng 00063
 Phân loại chi thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan Trưởng HQCK cảng Sài Gòn khu vực 1
 Ngày cấp phép 11/05/2026 18:02:19
 Ngày hoàn thành kiểm tra 11/05/2026 17:59:00
 Phân loại thẩm tra sau thông quan
 Ngày phê duyệt BP // /
 Ngày hoàn thành kiểm tra BP /
 Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu
 Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~ / /
	2	/ /	~ / /
	3	/ /	~ / /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế		/ /	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **108220490120** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình All 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 0306
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
 Ngày đăng ký 08/05/2026 09:51:35 HQSGKVI Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<01>
 Mã số hàng hóa 03061499 Ngày thay đổi đăng ký Mã phân loại tái xác nhận giá[]
 Mã tả hàng hóa Chân cua tuyết luộc đông lạnh (5 kg/thùng) - FROZEN BOILED SNOW CRAB LEG (Chionoecetes Opilio) hiệu ROHI.HSD: 17/01/2028 - Hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	5.000	KG
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2) Đơn giá hóa đơn	5.000 USD	M KG
Thuế nhập khẩu	Trị giá tính thuế(M)	-	KG
Trị giá tính thuế(S)	Đơn giá tính thuế	-VND	- M KGM
Số lượng tính thuế	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Thuế suất C 0% -	Nước xuất xứ	CN - CHINA-B05	
Số tiền thuế	Mã ngoài hạn ngạch		
Số tiền miễn giảm			
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB245
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		